danh môc m· sè		ChØ tiªu	Sè liÖu dù to¸n	Ghi chó
M· sè môc	M· sè tiÓu môc			
A		Dù to¸n thu n¨m 2011	105,493,211	
I		D 2010 cha chi chuyÓn sang 2011(HP)	2,643,958	
II		Tæng sè thu:	102,849,253	
1		*Ng©n s¸ch nhµ níc cÊp*	*33,809,593*	
		Lo¹i 370-371 Nghiªn cøu khoa häc	853,000	
		Lo¹i 490-502 §µo t¹o ®¹i häc	22,889,593	
		Loại 490-502 §µo t¹o ®¹i häc CT tiªn tiÕn	9,300,000	
		Lo¹i 490-503 §µo t¹o sau ®¹i häc	700,000	
		Chi kh«ng thêng xuyªn(TTUQ)	67,000	
2		*Thu phÝ, lÖ phÍ*	*69,039,660*	
		Lo¹i 490-706 Häc phÝ chÝnh quy	44,700,007	
		- Nghiªn cøu sinh	*0*	
		- Cao häc	*0*	
		- §¹i häc	*38,987,927*	
		- Ch¬ng tr×nh tiªn tiÕn	*0*	
		- Liªn th«ng Cao ®¼ng lªn §¹i häc	*5,308,000*	
		- HÖ cö tuyÓn	*404,080*	
		Lo¹i 490-708 Häc phÝ kh«ng chÝnh quy	19,201,153	
		- §¹i häc hÖ VLVH	*17,128,727*	
		- §¹i häc hÖ VLVH hoµn chØnh	*2,072,426*	
		Lo¹i 490- 707 LÖ phÍ tuyÓn sinh hÖ VLVH, LT	50,000	
		Liªn kÕt ®µo t¹o	**2,706,500**	
		- Liªn kÕt ®µo t¹o ®¹i häc 2+2	206,500	
		- Dù ¸n ®µo t¹o kü thuËt viªn ngµnh ®iÖn REII	2,500,000	

3		***Thu sù nghiÖp kh¸c***	***2,382,000***	
		Lo¹i 490-705 TiÒn nhµ ë sinh viªn	2,312,000	
		Lo¹i 490-705 TiÒn tr«ng xe sinh viªn	70,000	
B		**DỰ TOÁN CHI NĂM 2011 II = II.1 + II.2 + II.3 + II.4**	**107,883,204**	
		Nhóm 1 Chi thanh toán cho cá nhân	**37,359,200**	
		Tiền lương	16,840,000	
		Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	12,300,000	
		Lương hợp đồng dài hạn	4,540,000	
		Tiền công lao động TX theo hợp đồng	602,800	
		Phụ cấp lương	12,586,400	
		Học bổng học sinh, sinh viên (Không kể SV cử tuyển)	1,500,000	
		Tiền thưởng (theo chế độ quy định)	180,000	
		Phúc lợi tập thể	200,000	
		Các khoản đóng góp	3,950,000	
		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	1,500,000	
		Nhóm 2: Chi hàng hóa, dịch vụ, chuyên môn nghiệp vụ	**27,922,600**	
		Thanh toán dịch vụ công cộng	3,370,000	
		Thanh toán tiền điện	1,450,000	
		Thanh toán tiền nước	950,000	
		Thanh toán tiền nhiên liệu	900,000	
		Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	70,000	
		Vật tư văn phòng (Khối HCQL)	2,652,900	
		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	280,000	
		Hội nghị	20,000	
		Công tác phí	950,000	
		Chi phí thuê mướn	2,500,000	

		Chi đoàn ra	1,100,000	
		Chi đoàn vào	300,000	
		Sửa chữa TX (nhỏ) tài sản, duy tu bảo dưỡng công trình	1,488,200	
		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn (GD, HT, NC…)	15,261,500	
		Nhóm 3 Chi khác	**4,870,000**	
		Chi nộp ngân sách cấp trên (vận dụng)	3,980,000	
		Nộp % học phí cho ĐHTN	1,150,000	
		Tính trả học phí cho TT GDQP	350,000	
		Trả cho bênB(đơn vị liên kết đào tạo)	2,480,000	
		Chi khác	800,000	
		Chi cho công tác Đảng (theo quy định của Đảng)	60,000	
		Chi bầu cử Quốc hội, HĐND (theo nhiệm kỳ)	30,000	
		Nộp thuế theo quy định hiện hành (không kể thuế TNCN)	0	
		Chênh lệch thu chi II.4 = I-(II.1+II.2+II.3)	**37,731,404**	
		Trả thu nhập tăng thêm cho người LĐ (Theo Nghị định 43)	14,500,000	
		Trích lập các quỹ (theo NĐ 43/CP ngày 25/4/2006)	22,572,904	
		- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	15,354,704	
		- Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	7,218,200	
		- Quỹ dự phòng ổn định	0	
C		**CHI TIẾT NỘI DUNG THEO MỤC LỤC NS**		
I		**Lo¹i 370 kho¶n 371 (Nghi^a^n cøu khoa häc)**	**1,000,000**	
TiÓu nhãm 0130		***Chi vÒ hµng ho¸ dÞch vô***	***1,000,000***	
7000		Chi phÝ nghiÖp vô chuy^a^n m«n	1,000,000	
	7017	*Chi phÝ thùc hiÖn ®Ò tµi nghi^a^n cøu khoa häc*	*1,000,000*	
II		**Lo¹i 490-502 (§µo t¹o ®¹i häc)**	**18,000,000**	
TiÓu nhãm 0129		***Chi thanh to¸n cho c¸ nh©n***	***15,445,000***	
6000				

		TiÒn l¬ng	12,300,000	
6100		Phô cÊp l¬ng	800,000	
6150		Häc bæng	1,480,000	
6200		TiÒn thëng	15,000	
6250		Phóc lîi tËp thÓ	50,000	
6300		C¸c kho¶n ®ãng gãp	800,000	
TiÓu nhãm 0130		***Chi vÒ hµng ho¸ dÞch vô***	***2,285,000***	
6500		Thanh to¸n dÞch vô c«ng céng	750,000	
6550		VËt t v¨n phßng	135,000	
6600		Th«ng tin tuyªn truyÒn liªn l¹c	80,000	
6650		Héi nghÞ	20,000	
6700		C«ng t¸c phÝ	150,000	
6900		Söa ch÷a nhá tµi s¶n phôc vô C/T C/M tõ KPTX	50,000	
7000		Chi phÝ nghiÖp vô chuyªn m«n	1,100,000	
TiÓu nhãm 0132		***C¸c kho¶n chi kh¸c***	***270,000***	
7700		Chi nép ng©n s¸ch cÊp trªn	20,000	
7750		Chi kh¸c	250,000	
III		**Loại 490-502 (ch¬ng tr×nh tiªn tiÕn)**	**9,100,000**	
	`	***Chi thanh to¸n cho c¸ nh©n***	***235,000***	
6100		Phô cÊp l¬ng	200,000	
6150		Häc bæng	20,000	
6200		TiÒn thëng	15,000	
TiÓu nhãm 0130		***Chi vÒ hµng ho¸ dÞch vô***	***5,515,000***	
6500		Thanh to¸n dÞch vô c«ng céng	630,000	
6550		VËt t v¨n phßng	365,000	
6600		Th«ng tin tuyªn truyÒn liªn l¹c	20,000	
6700		C«ng t¸c phÝ	150,000	
6750		Chi thuª mín	2,500,000	

	6755	*Thuª chuyªn gia vµ gi¶ng viªn níc ngoµi*	*2,000,000*	
	6756	*Thuª chuyªn gia vµ gi¶ng viªn trong níc*	*500,000*	
6800		Chi ®oµn ra	400,000	
6850		Chi ®oµn vµo	100,000	
6900		Söa ch÷a TX (nhá) tµi s¶n, duy tu b¶o dìng c«ng tr×nh	250,000	
7000		Chi phÝ nghiÖp vô chuyªn m«n	1,100,000	
	7001	*Chi mua hàng ho¸, vËt t dïng cho chuyªn m«n*	*300,000*	
	7006	*S¸ch, tµi liÖu chuyªn m«n*	*500,000*	
	7049	*Chi phÝ kh¸c (Chi BD coi thi, gi¸o tr×nh)*	*300,000*	
TiÓu nhãm 0135		***Chi ®Çu t vµo TSC§***	***3,350,000***	
9000		Mua, ®Çu t TS v« h×nh		
9050		Mua s¾m TS dïng cho c«ng t¸c chuyªn m«n	3,350,000	
IV		**Loˡi 490-503 (§µo tˡo sau ®ˡi häc)**	**710,000**	
1		***Chi thanh to¸n cho c¸ nh©n***	***210,000***	
6100		Phô cÊp l¬ng	210,000	
TiÓu nhãm 0130		***Chi vÒ hµng ho¸ dÞch vô***	***500,000***	
6550		VËt t v¨n phßng	100,000	
6700		C«ng t¸c phÝ		
7000		Chi phÝ nghiÖp vô chuyªn m«n	400,000	
	7006	*S¸ch, tµi liÖu chuyªn m«n*	*100,000*	
	7012	*Chi thanh to¸n hîp ®ång thùc hiÖn nghiÖp vô chuyªn m«n*	*300,000*	
V		**Loˡi 490-705 (Thu sù nghiÖp kh¸c)**	**2,382,000**	
TiÓu nhãm 0129		***Chi thanh to¸n cho c¸ nh©n***	***979,200***	
6050		TiÒn c«ng lao ®éng TX theo hîp ®ång	452,800	
6100		Phô cÊp l¬ng	376,400	
6300		C¸c kho¶n ®ãng gãp	150,000	
TiÓu nhãm 0130		***Chi vÒ hµng ho¸ dÞch vô***	***714,600***	

6550		VËt t v¨n phßng	476,400	
6900		Söa ch÷a TX (nhá) tµi s¶n, duy tu b¶o dìng CT	238,200	
TiÓu nhãm 0132		***C¸c kho¶n chi kh¸c***	**688,200**	
7950		Chi lËp c¸c quü cña ®¬n vÞ sù nghiÖp cã thu	688,200	
		- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	*600,000*	
		- Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	*88,200*	
VI		**Lo¹i 490-706 (Häc phÝ chÝnh quy)**	**47,000,000**	
TiÓu nhãm 0129		***Chi thanh to¸n cho c¸ nh©n***	***15,400,000***	
6000		TiÒn l¬ng	2,000,000	
6050		TiÒn c«ng lao ®éng TX theo hîp ®ång	150,000	
6100		Phô cÊp l¬ng	9,000,000	
6200		TiÒn thëng	150,000	
6250		Phóc lîi tËp thÓ	100,000	
6300		C¸c kho¶n ®ãng gãp	3,000,000	
6400		C¸c kho¶n TT kh¸c cho c¸ nh©n	1,000,000	
	6449	*Phu cÊp tr¸ch nhiÖm tõ tæ trëng trë lªn*		
TiÓu nhãm 0130		***Chi vÒ hµng ho¸ dÞch vô***	***13,420,000***	
6650		Thanh to¸n dÞch vô c«ng céng	890,000	
6750		VËt t v¨n phßng	600,000	
6800		TT tuyªn truyÒn liªn l¹c	130,000	
7000		C«ng t¸c phÝ	600,000	
6800		Chi ®oµn ra	450,000	
6850		Chi ®oµn vµo	100,000	
6900		Söa ch÷a TX (nhá) tµi s¶n, duy tu b¶o dìng c«ng tr×nh	650,000	
7000		Chi phÝ nghiÖp vô chuyªn m«n	10,000,000	
TiÓu nhãm 0132		***C¸c kho¶n chi kh¸c***	***1,030,000***	
7700		Nép ng©n s¸ch cÊp trªn	800,000	
7750		Chi kh¸c	200,000	

7850		Chi cho c«ng t¸c §¶ng	30,000	
TiÓu nhãm 0135		***Chi ®Çu t vµo tµi s¶n***		
TiÓu nhãm 0136		***Chi ®Çu t x©y dùng c¬ b¶n***		
9300		Chi x©y dùng		
TiÓu nhãm 0132		***C¸c kho¶n chi kh¸c***	**17,150,000**	
6404		Tr¶ thu nhËp t¨ng thªm cho ngêi lao ®éng(theo N§ 43)	10,000,000	
7950		Chi lËp c¸c quü cña ®¬n vÞ sù nghiÖp cã thu	7,150,000	
		- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	*4,150,000*	
		- Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	*3,000,000*	
VII		**Lo¹i 490-707 (LÖ phÝ tuyÓn sinh VLVH)**	**50,000**	
TiÓu nhãm 0130		***Chi vÒ hµng hoá dÞch vô***	**50,000**	
6550		VËt t v¨n phßng	20,000	
7000		Chi phÝ nghiÖp vô chuyªn m«n	30,000	
VIII		**Lo¹i 490-708 (Häc phÝ kh«ng chÝnh quy)**	**21,845,111**	
TiÓu nhãm 0129		***Chi thanh to¸n cho c¸ nh©n***	***5,090,000***	
6000		TiÒn l¬ng	2,540,000	
6300		Phô cÊp l¬ng	2,000,000	
6200		TiÒn thëng	0	
6250		Phóc lîi tËp thÓ	50,000	
6400		C¸c kho¶n thanh to¸n kh¸c cho c¸ nh©n	500,000	
	6449	*Phô cÊp tr¸ch nhiÖm tõ tæ trëng trë lªn*	*500,000*	
TiÓu nhãm 0130		***Chi vÒ hµng hoá dÞch vô***	***2,450,000***	
6500		Thanh to¸n dÞch vô c«ng céng	750,000	
6550		VËt t, v¨n phßng	500,000	
6600		Th«ng tin tuyªn truyÒn liªn l¹c	50,000	
6750		Chi phÝ thuª mín kh¸c	0	

6800		Chi ®oµn ra	250,000	
6850		Chi ®oµn vµo	100,000	
6700		C«ng t¸c phÝ	0	
6900		Söa ch÷a nhá tµi s¶n phôc vô c«ng t¸c C/M	300,000	
7000		Chi phÝ nghiÖp vô chuyªn m«n	500,000	
TiÓu nhãm 0132		***C¸c kho¶n chi kh¸c***	***3,570,000***	
7700		Nép NS cÊp trªn	3,160,000	
		Nộp % học phí cho ĐHTN	*500,000*	
		Tính trả học phí cho TT GDQP	*180,000*	
		Trả cho bênB(đơn vị liên kết đào tạo)	*2,480,000*	
7750		Chi kh¸c	350,000	
7850		Chi cho công tác Đảng (theo quy định của Đảng)	30,000	
7900		Chi bầu cử Quốc hội, HĐND (theo nhiệm kỳ)	30,000	
II.4		***Chªnh lÖch thu chi II.4 = I- (II.1+II.2+II.3)***	**10,735,111**	
6404		Tr¶ thu nhËp t¨ng thªm cho ngêi lao ®éng(theo N§ 43)	4,500,000	
7950		Chi lËp c¸c quü cña ®¬n vÞ sù nghiÖp cã thu	6,235,111	
		- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	*2,235,111*	
		- Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	*4,000,000*	
IX		**Loªi 490-708 (Liªn kÕt ®µo tªo 2+2 , REII)**	**2,706,500**	
TiÓu nhãm 0129		***Chi thanh to¸n cho c¸ nh©n***	**458,500**	
6400		C¸c kho¶n thanh to¸n kh¸c cho c¸ nh©n	458,500	
TiÓu nhãm 0130		***Chi vÒ hµng ho¸ dÞch vô***	***1,988,000***	
6500		Thanh to¸n dÞch vô c«ng céng	350,000	
6550		VËt t v¨n phßng	456,500	
6700		Công tác phí	50,000	
7000		Chi phÝ nghiÖp vô chuyªn m«n	1,131,500	
TiÓu nhãm 0132		***C¸c kho¶n chi kh¸c***	***260,000***	
7950		Chi lËp c¸c quü cña ®¬n vÞ sù nghiÖp cã thu	260,000	

		- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	*130,000*	
		- Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	*130,000*	